

Biểu mẫu 01

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Tên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp: UBND Huyện Hóc Môn; Phòng GDĐT huyện Hóc Môn
Tên cơ sở giáo dục : Trường Mầm non 2/9

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng CSGD trẻ dự kiến đạt được	- 100%	- 100%
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện.	- 3/3 nhóm thực hiện đúng theo quy định của chương trình GDMN do Bộ GDĐT quy định	- 17/17 lớp thực hiện đúng theo quy định của chương trình GDMN do Bộ GDĐT quy định.
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển.	- Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển 98% trở lên.	- Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển 98% trở lên.
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở GDMN	- Thực hiện tốt	- Thực hiện tốt

Hóc Môn, ngày 29 tháng 09 năm 2021

**Thủ trưởng đơn vị
(Đã ký)**

Ngô Thị Chí Hiếu

Biểu mẫu 02

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Tên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp: UBND Huyện Hóc Môn; Phòng GDĐT huyện Hóc Môn
Tên cơ sở giáo dục : Trường Mầm non 2/9

THÔNG BÁO**Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2021-2022**

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng	13-24 tháng	25-36 tháng	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	680	0	21	63	150	201	245
1	Số trẻ em nhóm ghép	0	0	0	0	0	0	0
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày	0	0	0	0	0	0	0
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	680	0	21	63	150	201	245
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0	0	0	0	0	0	0
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	680	0	21	63	150	201	245
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	680	0	21	63	150	201	245
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	680	0	21	63	150	201	245
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	680	0	21	63	150	201	245
1	Số trẻ cân nặng bình thường	547	0	16	53	129	167	182
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân		0	0	0	0	0	0
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	547	0	16	53	129	167	182
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	12	0	5	1	1	2	3
5	Số trẻ thừa cân béo phì	103	0	2	6	13	28	54
	Số trẻ em suy dinh dưỡng (mãn)	7	0	3	0	1	2	1
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	680	0	21	63	150	201	245
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	84	0	21	63	0	0	0
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	596	0	0	0	150	201	245

Hóc Môn, ngày 29 tháng 09 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị
(Đã ký)

Ngô Thị Chí Hiếu

Biểu mẫu 03

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Tên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp: UBND Huyện Hóc Môn; Phòng GDĐT huyện Hóc Môn
Tên cơ sở giáo dục : **Trường Mầm non 2/9**

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	20	
II	Loại phòng học	20	2,2m²/1 trẻ
1	Phòng học kiên cố	20	2,2m ² /1 trẻ
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
III	Số điểm trường	01	
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	9.640,9m²	12m²/1trẻ
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	1.283,36 m²	2.1m²/1trẻ
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	1.544m ²	2.2 m ² /1trẻ
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	1.544m ²	2.2 m ² /1trẻ
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	420m ²	
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	425 m ²	
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	77,2 m ²	2.2m ² /1 trẻ
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	77,2 m ²	2.2m ² /1 trẻ
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	118,8m ²	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	20	Số bộ/nhóm (lớp)
1	Nhà trẻ	3	1 bộ/lớp
2	Mầm	5	1 bộ/lớp
3	Chồi	6	1 bộ/lớp
4	Lá	6	1 bộ/lớp
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	30	Sử dụng chung
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	25	

X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác		
1	Ti vi	24	
2	Nhạc cụ (Đàn organ, ghi ta, trống)	6	
3	Máy photo	1	
4	Catsset	24	
5	Đầu Video/đầu đĩa	24	
6	Đồ chơi ngoài trời	21	
7	Bàn ghế đúng quy cách	326	
8	Thiết bị khác...		

		Số lượng (m ²)				
XI	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2m ² /1phòng		21m ² /1phòng		0.5m ² /trẻ
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XIV	Kết nối internet	X	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	X	
XVI	Tường rào xây	X	
..			

Hóc Môn, ngày 29 tháng 09 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị
(Đã ký)

Ngô Thị Chí Hiếu

Biểu mẫu 04

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Tên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp: UBND Huyện Hóc Môn; Phòng GDĐT huyện Hóc Môn
Tên cơ sở giáo dục : Trường Mầm non 2/9

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở
giáo dục mầm non, năm học 2021-2022**

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp		
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới	Hạng IV	Hạng III	Hạng II
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	58	0	0	36	7	3	12	2	27	13
I	Giáo viên	40	0	0	31	7	2	0	2	27	13
1	Nhà trẻ	6	0	0	5	1	0	0	0	5	1
2	Mẫu giáo	34	0	0	26	6	2	0	2	22	12
II	Cán bộ quản lý	3	0	0	3	0	0	0	0	1	2
1	Hiệu trưởng	1	0	0	1	0	0	0	0	0	1
2	Phó Hiệu trưởng	2	0	0	2	0	0	0	0	1	1
III	Nhân viên	15	0	0	2	0	4	9	0	0	0
1	Nhân viên văn thư	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Nhân viên kế toán	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0
3	Thủ quỹ	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0
4	Nhân viên y tế	1	0	0	0	0	1	0	0	0	0
5	Nhân viên khác	12	0	0	0	0	3	9	0	0	0

Hóc Môn, ngày 29 tháng 09 năm 2022

**Thủ trưởng đơn vị
(Đã ký)**

Ngô Thị Chí Hiếu